



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1509.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.164/1/1	X: 1697283 Y: 588491	12-13/6/2024	Tại khu vực đước đốt - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 12/06 - 07/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results KX.164/1/1	QCVN/TCVN
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	53	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	46	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	6008	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	139	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	450	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	51	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	43	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	44	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	40	60

Ghi chú/Note:

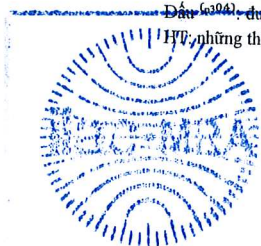
Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location



TRƯỞNG PHÒNG
Manager
HỒ MINH TUÂN
VILAS 273

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time
-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1510.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.164/1/2	X: 1697390 Y: 588408	12-13/6/2024	Tại khu vực công nghệ - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 12/06 - 07/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results	QCVN/TCVN
				KX.164/1/2	
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	54	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	49	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	5813	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	140	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	402	1500
II	TIẾNG ỒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	51	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	44	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	44	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	38	60

Ghi chú/Note:

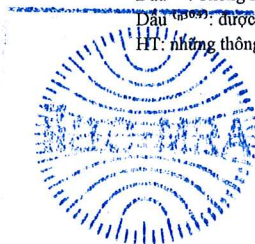
Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location



VILAS 273

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP-Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time
-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1511.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.165/1/1	X: 1697283 Y: 588491	13-14/6/2024	Tại khu vực đốt đốt - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 13/06 - 08/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results KX.165/1/1	QCVN/TCVN
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	57	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	47	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	6188	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	141	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	331	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	55	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	47	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	44	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	37	60

Ghi chú/Note:

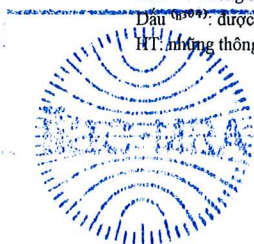
Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường HT: The parameters measure at location



TRƯỞNG PHÒNG
Manager

VILAS 273

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time

-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

-Thời hạn lưu mẫu. EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

Số/No: 1512.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.165/1/2	X: 1697390 Y: 588408	13-14/6/2024	Tại khu vực công nghệ - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 13/06 - 08/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results	QCVN/TCVN
				KX.165/1/2	
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	55	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	53	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	5763	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	144	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	(NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	433	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	54	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	46	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	44	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	35	60

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT/những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location

ĐƯƠNG PHONG
ManagerKT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director

VILAS 273

Đỗ Minh Tuấn

Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time.
-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document.
-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com

BM10/EMC-QuT.17 19.08.2019 LBH05



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1513.2024/QTPPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.166/2/1	X: 1697283 Y: 588491	14-15/6/2024	Tại khu vực được đốt - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 14/06 - 09/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results	QCVN/TCVN
				KX.166/2/1	
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	56	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	50	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	5983	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	140	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	354	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	56	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	47	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	46	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	40	60

Ghi chú/Note:

Ghi chú/Note:

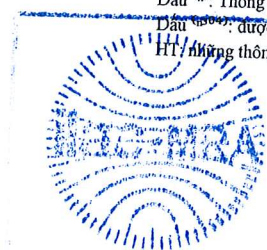
Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT/ những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location



Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time
-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1514.2024/QTPPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.166/2/2	X: 1697390 Y: 588408	14-15/6/2024	Tại khu vực công nghệ - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 14/06 - 09/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results	QCVN/TCVN
				KX.166/2/2	
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	55	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	51	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	6085	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	142	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	204	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	53	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	47	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	46	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	40	60

Ghi chú/Note:

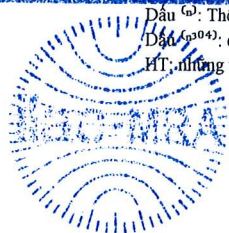
Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (w): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (w): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (w304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304 / Sign (w304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location



Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time

-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TDL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1515.2024/QTPPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.169/1/1	X: 1697479 Y: 0588222	17-18/6/2024	Tại khu vực xưởng đóng gói - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 17/06 - 07/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results KX.169/1/1	QCVN/TCVN
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	54	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	49	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	6087	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	138	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	303	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	59	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	51	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	52	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	36	60

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT/ những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location

TRƯỞNG PHÒNG

Manager

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC

PP.Director/Vice Director

VILAS 273

Hồ Minh Tuấn

Đỗ Tiên Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time

-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1516.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.169/1/2	X: 1697361 Y: 0588509	17-18/6/2024	Tại khu lưu chứa dầu thải - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 17/06 - 07/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results KX.169/1/2	QCVN/TCVN
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	62	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	53	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	6029	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	141	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	224	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	57	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	50	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	42	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	31	60

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location

TRƯỞNG PHÒNG

Manager

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC

PP.Director/Vice Director

Hồ Minh Tuấn

Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time
-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1517.2024/QTPPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.169/1/3	X: 1697519 Y: 0588332	17-18/6/2024	Tại khu vực bể chứa Propylene trung gian - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 17/06 - 07/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results	QCVN/TCVN
				KX.169/1/3	
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	59	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	52	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	5769	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	152	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	275	1500
II	TIẾNG ỒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	57	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	51	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	45	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	38	60

Ghi chú/Note:

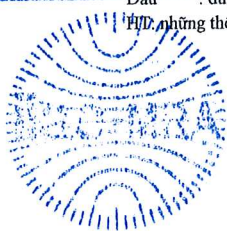
Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location



VILAS 273

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP:Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time

-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

VILAS 273

Số/No: 1518.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.170/1/1	X: 1697479 Y: 0588222	18-19/6/2024	Tại khu vực xưởng đóng gói - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 18/06 - 08/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results	QCVN/TCVN
				KX.170/1/1	
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	62	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	57	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	5968	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	142	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	213	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	60	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	51	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	41	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	35	60

Ghi chú/Note:

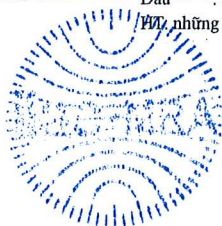
Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location



TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KI. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP. Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time
-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
-Hết thời hạn lưu mẫu. EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples. EMC does not solve any complaints about this test result



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1519.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.170/1/2	X: 1697361 Y: 0588509	18-19/6/2024	Tại khu lưu chứa dầu thải - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 18/06 - 08/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results KX.170/1/2	QCVN/TCVN
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	55	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	52	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	6290	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	143	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	164	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	57	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	49	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	41	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	33	60

Ghi chú/Note:

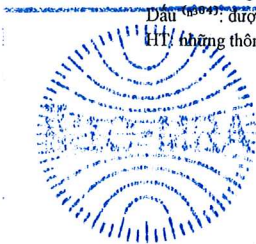
Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (ω): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (ω): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (ω304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (ω304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT/ những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location



VILAS 273

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time
-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1520.2024/QTPPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.170/1/3	X: 1697519 Y: 0588332	18-19/6/2024	Tại khu vực bể chứa Propylene trung gian - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 18/06 - 08/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results KX.170/1/3	QCVN/TCVN
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	56	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	53	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	5600	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	143	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	253	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	56	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	46	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	41	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	34	60

Ghi chú/Note:

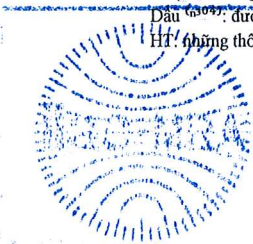
Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT/ những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location



TRƯỞNG PHÒNG
Manager

VILAS 273

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time

-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

-Hết thời hạn lưu mẫu. EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TDL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1521.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.171/1/1	X: 1697479 Y: 0588222	19-20/6/2024	Tại khu vực xưởng đóng gói - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 19/06 - 09/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results KX.171/1/1	QCVN/TCVN
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	51	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	59	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	5759	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	141	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	165	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	56	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	48	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	42	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	33	60

Ghi chú/Note:

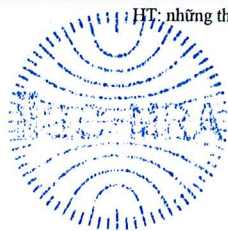
Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (ω): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (ω): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location



TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time
-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
-Hết thời hạn lưu mẫu. EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1522.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.171/1/2	X: 1697361 Y: 0588509	19-20/6/2024	Tại khu lưu chứa dầu thải - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 19/06 - 09/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results KX.171/1/2	QCVN/TCVN
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	53	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ dioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	51	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	5629	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	142	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	149	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	53	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	45	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	40	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	32	60

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304 / Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại liên trường / HT: The parameters measure at location

TRƯỞNG PHÒNG

Manager

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC

PP. Director/Vice Director

Hồ Minh Tuấn

Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time
-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1523.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Không khí xung quanh.

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
KX.171/1/3	X: 1697519 Y: 0588332	19-20/6/2024	Tại khu vực bể chứa Propylene trung gian - Nhà máy Polypropylene - Xã Bình Trị - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 19/06 - 09/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả /Results KX.171/1/3	QCVN/TCVN
I	KHÔNG KHÍ XUNG QUANH.				QCVN 05:2023/BTNMT (24h)
1 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	57	125
2 ⁽ⁿ⁾	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	51	100
3 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	µg/Nm ³	6152	-
4 ^(*) (n)	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	144	200
5 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Tổng Hydro cacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500	µg/Nm ³	158	1500
II	TIẾNG ÒN				QCVN 26:2010/BTNMT
6 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (6h-21h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	53	70
7 ^(*) (n)	Mức âm (Leq)-HT (21h-6h)	TCVN 7878-2:2018	dBA	47	55
II	ĐỘ RUNG				QCVN 27:2010/BTNMT
8 ^(*) (n)	Độ rung-HT (6h-21h)	TCVN 6963: 2001	dB	43	70
9 ^(*) (n)	Độ rung-HT (21h-6h)	TCVN 6963: 2001	dB	33	60

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

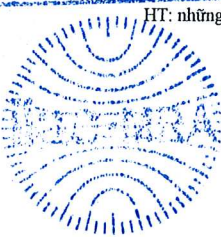
Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Hồ Minh Tuấn

Đỗ Tiên Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time
-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

VILAS 273

Số/No: 1451.2024/QTPT

Quang Ngãi, 03/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HOÁ DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Khí thải công nghiệp (lọc hóa dầu)

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
KT171/1/9	X: 1697761 Y: 588796	19/06/24	Khí thải tại ống khói H - 2401 (U24) - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 19/06 - 26/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN/TCVN
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP (LỌC HÓA DẦU)						QCVN 34:2010/BTNMT (AKhí) (Kv'=1, Kp'=1)
1 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	144	143	135	200
2 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	73	71	73	300
3 ⁽ⁿ⁾	Nitơ oxit (NOx)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	43	53	45	250
4 ⁽ⁿ⁾	Hydro sunfua (H ₂ S)	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	1,1	1,2	1,4	7,5

Ghi chú/Note:

Dấu ⁽ⁿ⁾: Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign ⁽ⁿ⁾: Recognized by VIMCERTS certificate

TRƯỞNG PHÒNG

Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC

PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi



VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1451.2024/QTPT

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Quang Ngãi, 3/7/2024

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HOÁ DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Khí thải công nghiệp (lọc hóa dầu)

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
KT171/1/9	X: 1697761 Y: 588796	19/06/24	Khí thải tại ống khói H - 2401 (U24) - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 19/06 - 26/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN/TCVN
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP (LỌC HÓA DẦU)						QCVN 34:2010/BTNMT (AKh) (Kv'=1, Kp'=1)
1 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	140	143	136	200
2 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	76	71	60	300
3 ⁽ⁿ⁾	Nitơ oxit (NOx)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	41	49	45	250
4 ⁽ⁿ⁾	Hydro sunfua (H ₂ S)	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	1,1	1,2	1,4	7,5

Ghi chú/Note:

Dấu ⁽ⁿ⁾: Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign ⁽ⁿ⁾: Recognized by VIMCERTS certificate

TRƯỞNG PHÒNG

Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC

PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time.
- Không được sao chép một phần nên chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document.
- Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1452.2024/QTPT

PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Quang Ngãi, 3/7/2024

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HOÁ DẦU BÌNH SƠN
 - Loại mẫu/Type of sample : Khí thải công nghiệp (lọc hóa dầu)

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
KT171/1/10	X: 1697526 Y: 589157	19/06/24	Tại ống khói H-2501 (U25) - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
 - Ngày thí nghiệm/Testing date : 19/06 - 26/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN/TCVN
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP (LỌC HÓA DẦU)						QCVN 34:2010/BTNMT (ADầu) (Kv'=1, Kp'=0,8)
1 ^(a)	Cacbon monoxit (CO)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	24	29	27	800
2 ^(a)	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	107	118	126	520
3 ^(a)	Nitơ oxit (NO _x)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	23	26	28	680
4 ^(a)	Hydro sunfua (H ₂ S)	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	1,7	1,9	1,6	8

Ghi chú/Note:

Dấu ^(a): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign ^(a): Recognized by VIMCERTS certificate

TRƯỞNG PHÒNG

Manager

Hồ Minh Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC

PP. Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time
 -Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
 -Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG***Environmental Monitoring Technical Center (EMC)*

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1454.2024/QTPT

Quang Ngãi, 03/07/2024

**PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

- Đơn vị yêu cầu/Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HOÁ DẦU BÌNH SƠN**
- Loại mẫu/Type of sample : **Khí thải công nghiệp (lọc hóa dầu)**

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
KT172/1/1	X: 1697872 Y: 588971	20/06/24	Khí thải tại ống khói H-1301 (U13) - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 20/06 - 27/06/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test Results**

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN/TCVN
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP (LỌC HÓA DẦU)						QCVN 34:2010/BTNMT (AKhí) (Kv'=1, Kp'=0,9)
1 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	143	141	139	180
2 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	76	71	89	270
3 ⁽ⁿ⁾	Nitơ oxit (NOx)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	113	117	118	225
4 ⁽ⁿ⁾	Hydro sunfua (H ₂ S)	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	3,7	3,6	3,8	6,75

Ghi chú/Note:

Dấu ⁽ⁿ⁾: Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign ⁽ⁿ⁾: Recognized by VIMCERTS certificate**TRƯỞNG PHÒNG**

Manager

Hồ Minh Tuấn**KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC**

PP.Director/Vice Director

**Đỗ Tiến Lợi**

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG***Environmental Monitoring Technical Center (EMC)*

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1452.2024/QTPT

Quang Ngãi, 03/07/2024

**PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**- Đơn vị yêu cầu/Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HOÁ DẦU BÌNH SƠN**- Loại mẫu/Type of sample : **Khí thải công nghiệp (lọc hóa dầu)**

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
KT172/1/2	X: 1697775 Y: 589388	20/06/24	Khí thải tại ống khói SK-1501 (U15) - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 20/06 - 27/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**Test Results**

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN/TCVN
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP (LỌC HÓA DẦU)						QCVN 34:2010/BTNMT (ADầu) (Kv'=1, Kp'=0,8)
1 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm³	779	784	780	800
2 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm³	356	362	372	520
3 ⁽ⁿ⁾	Nitơ oxit (NOx)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm³	128	135	137	680
4 ⁽ⁿ⁾	Hydro sunfua (H₂S)	JIS K 0108:2010	mg/Nm³	4,2	4,5	4,6	8
5 ⁽ⁿ⁾	Bụi tổng (PM)	US EPA 05	mg/Nm³	58	60	64	160

Ghi chú/Note:

Dấu ⁽ⁿ⁾: Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign ⁽ⁿ⁾: Recognized by VIMCERTS certificate**TRƯỞNG PHÒNG****Manager****Hồ Minh Tuấn****KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC****PP.Director/Vice Director****Đỗ Tiến Lợi**



VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1455.2024/QTPPT

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Quang Ngãi, 3/7/2024

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HOÁ DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Khí thải công nghiệp (lọc hóa dầu)

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
KT173/1/1	X: 1697854 Y: 588969	21/06/24	Khí thải tại ống khói H - 1201 (U12) - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 21/06 - 28/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN/TCVN
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP (LỌC HÓA DẦU)						QCVN 34:2010/BTNMT (AKhí) (Kv'=1, Kp'=1)
1 [↻]	Cacbon monoxit (CO)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	91	93	98	200
2 [↻]	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	136	131	128	300
3 [↻]	Nitơ oxit (NOx)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	92	86	81	250
4 [↻]	Hydro sunfua (H ₂ S)	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	1,2	1,3	1,4	7,5

Ghi chú/Note:

Dấu [↻]: Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign [↻]: Recognized by VIMCERTS certificate

TRƯỞNG PHÒNG

Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC

PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time.
- Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document.
- Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 1456.2024/QTPT

Quang Ngãi, 3/7/2024

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HOÁ DẦU BÌNH SƠN
- Loại mẫu/Type of sample : Khí thải công nghiệp (lọc hóa dầu)

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
KT173/1/2	X: 1697850 Y: 588974	21/06/24	Khí thải tại ống khói H - 1202 (U12) - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 21/06 - 28/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN/TCVN
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP (LỌC HÓA DẦU)						QCVN 34:2010/BTNMT (AKhí) (Kv'=1, Kp'=1)
1 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	90	93	98	200
2 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	76	81	89	300
3 ⁽ⁿ⁾	Nitơ oxit (NOx)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	86	90	79	250
4 ⁽ⁿ⁾	Hydro sunfua (H ₂ S)	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	1,5	1,4	1,7	7,5

Ghi chú/Note:

Dấu ⁽ⁿ⁾: Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign ⁽ⁿ⁾: Recognized by VIMCERTS certificate

TRƯỞNG PHÒNG

Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC

PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time

-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

-Hết thời hạn lưu mẫu. EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples. EMC does not solve any complaints about this test result.



VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No: 1457.2024/QTPT

Quang Ngãi, 3/7/2024

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HOÁ DẦU BÌNH SƠN

- Loại mẫu/Type of sample : Khí thải công nghiệp (lọc hóa dầu)

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
KT173/1/3	X: 1704430 Y: 586948	21/06/24	Khí thải tại ống khói khu bể chứa sản phẩm (U52) - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 21/06 - 28/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN/TCVN
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP (LỌC HÓA DẦU)						QCVN 34:2010/BTNMT (ADầu) (Kv'=1, Kp'=1)
1 ⁽ⁿ⁾	Cacbon monoxit (CO)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	41	43	39	1000
2 ⁽ⁿ⁾	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	26	29	39	650
3 ⁽ⁿ⁾	Nitơ oxit (NOx)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm ³	107	102	100	850
4 ⁽ⁿ⁾	Hydro sunfua (H ₂ S)	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	2,1	2,3	2,4	10

Ghi chú/Note:

Dấu ⁽ⁿ⁾: Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign ⁽ⁿ⁾: Recognized by VIMCERTS certificate

TRƯỞNG PHÒNG

Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC

PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiên Lợi

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time

-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.



VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

BM10/EMC-QuT:17 19.08.2019 LBH05

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1363.2024/QTPT

Quang Ngãi, 24/6/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN

- Loại mẫu/Type of sample : Nước thải công nghiệp

Kí hiệu/Sign	Toạ độ/ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
NC163/1/1	X: 1697912 Y: 589521	11/06/2024	Đầu vào hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của U58 - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi
NC163/1/2	X: 1697898 Y: 589507	11/06/2024	Đầu ra hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của U58 - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi
NC163/1/3	X: 1698615 Y: 590204	11/06/2024	Chất lượng nước làm mát tại vị trí đập tràn (U34) - Nhà máy lọc dầu Dung Quất - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : TCVN 5999:1995

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 11/06 - 24/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN 40:2011/BTNMT (B, Kf=0,9, Kq=1,3)
				NC163/1/1	NC163/1/2	NC163/1/3	
1(*) ⁽ⁿ⁾	pH-HT	TCVN 6492:2011	-	6,6	6,9	7,3	5,5-9
2 ⁽ⁿ⁾	Nhiệt độ-HT	SMEWW 2550B:2023	°C	33	33	33	40
3(*) ⁽ⁿ⁾	Chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	498	1,2	KPH (LOD=1,2)	117
4(*) ⁽ⁿ⁾	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	620	7,0	5,0	58,5
5(*) ⁽ⁿ⁾	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220D(B):2023	mg/l	1570	19	13	175,5
6 ⁽ⁿ⁾	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520C&F:2023	mg/l	586	KPH (LOD=1,0)	KPH (LOD=1,0)	11,7
7(*) ⁽ⁿ⁾	Asen (As)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	<0,006 (LOQ=0,006)	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,117
8(*) ⁽ⁿ⁾	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/l	52×10 ⁻³	KPH (LOD=0,0003)	KPH (LOD=0,0003)	0,0117
9(*) ⁽ⁿ⁾	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,585
10(*) ⁽ⁿ⁾	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	4,9×10 ⁻³	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,117
11(*) ⁽ⁿ⁾	Độ màu	TCVN 6185(C):2015	Pt-Co	63	<16 (LOQ=16)	<16 (LOQ=16)	150
12 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Cr (III)	SMEWW 3113B (2017) & SMEWW 3500-Cr.B (2017)	mg/l	0,0036	0,0034	0,0044	1,17
13 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Cr (VI)	SMEWW 3500-Cr.B (2017)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0,0037	0,117
14(*) ⁽ⁿ⁾	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,13	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	2,34

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu/ The result is only valid to the test sample at the sampling time

-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản/ Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document
-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm/ After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN 40:2011/BTNMT (B, K _r =0,9, K _q =1,3)
				NC163/1/1	NC163/1/2	NC163/1/3	
15(*) ⁽ⁿ⁾	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	1,58	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	3,51
16(*) ⁽ⁿ⁾	Niken (Ni)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	24×10 ⁻³	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0,585
17(*) ⁽ⁿ⁾	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,25	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	1,17
18(*) ⁽ⁿ⁾	Sắt (Fe)	SMEWW 3500-Fe.B:2023	mg/l	12,2	0,11	KPH (LOD=0,03)	5,85
19 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Xyanua (CN ⁻)	SMEWW 4500-CN-C&E (2017)	mg/l	0,020	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,117
20 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Phenol	SMEWW 5530B&C (2017)	mg/l	3,0	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,585
21 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Sulfua (S ²⁻)	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D (2017)	mg/l	0,042	KPH (LOD=0,03)	0,036	0,585
22(*) ⁽ⁿ⁾	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	2,2	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	11,7
23 ⁽ⁿ⁾	Nitơ-tổng	SMEWW 4500-N.C:2023 SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2023	mg/l	10	<0,5 (LOQ=0,5)	<0,5 (LOQ=0,5)	46,8
24(*) ⁽ⁿ⁾	P-tổng	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/l	0,3	KPH (LOD=0,02)	0,09	7,02
25(*) ⁽ⁿ⁾	Clo dư	SMEWW 4500-CLB:2023	mg/l	<0,7 (LOQ=0,7)	KPH (LOD=0,20)	KPH (LOD=0,20)	2,34
26(*) ⁽ⁿ⁾	Coliform	SMEWW 9221B&C:2023	MPN/100ml	330	22	KPH (LOD=2)	5000

Ghi chú/Note:

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (ω): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (ω): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (ω⁰⁴): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (ω⁰⁴): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location

KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantitative

TRƯỞNG PHÒNG
Manager
[Signature]
HỒ MINH TUẤN

KT. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC

PP. Director/Vice Director

KỸ THUẬT
QUẢN TRỊ
MÔI TRƯỜNG
Đỗ Tiến Lợi



VIMCERTS 029

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG*Environmental Monitoring Technical Center (EMC)*

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1463.2024/QTPT

Quang Ngãi, 3/7/2024

**PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**- Đơn vị yêu cầu/Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**- Loại mẫu/Type of sample : **Nước thải công nghiệp**

Kí hiệu/Sign	Toạ độ/ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
NC.171/1/7	X: 1697433 Y: 588414	19/06/2024	Tại SC-093 chưa qua bể lọc của Nhà máy PP - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi
NC.171/1/8	X: 1697428 Y: 588412	19/06/2024	Tại SC-092 đã qua bể lọc của Nhà máy PP - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : TCVN 5999:1995

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 19/06 - 25/06/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**Test Results**

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results		QCVN 40:2011/BTNMT (B)
				NC.171/1/7	NC.171/1/8	
1(*) ⁽ⁿ⁾	pH-HT	TCVN 6492:2011	-	6,8	7,0	5,5-9
2(*)	DO-HT	TCVN 7325:2016	mg/l	6,5	6,7	-
3 ⁽ⁿ⁾	Nhiệt độ-HT	SMEWW 2550B:2023	°C	33	33	40
4(*) ⁽ⁿ⁾	Chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	8,0	9,0	100
5 ⁽ⁿ⁾	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520C&F:2023	mg/l	KPH (LOD=1,0)	KPH (LOD=1,0)	10

Ghi chú/Note:

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location

KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected

LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection

**TRƯỞNG PHÒNG
Manager****Hồ Minh Tuấn****KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director****Đỗ Tiến Lợi**



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273

VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; 505/TN-TĐL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 1524.2024/QTPT

Quang Ngãi, 11/07/2024

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

- Loại mẫu/Type of sample : Nước biển ven bờ

Kí hiệu/Sign	Toạ độ/ Coordinate	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Nguồn gốc/Source
NB171/1/4	X: 1699405 Y: 590342	19/06/2024	Vịnh Việt Thanh, gần bờ, cách đường ống thải 250m về phía Bắc - xã Bình Trị - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi
NB171/1/5	X: 1698921 Y: 590698	19/06/2024	Vịnh Việt Thanh, gần bờ, cách đường ống thải 250m về phía Nam - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi
NB171/1/6	X: 1700167 Y: 592975	19/06/2024	Vịnh Việt Thanh, cách vị trí thải 1000m về phía ngoài khơi - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi

- PP lấy mẫu/Sampling method : TCVN 5998:1995

- Ngày thí nghiệm/Testing date : 19/06 - 09/07/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN 10:2023/BTNMT Bảng 1 và 2
				NB171/1/4	NB171/1/5	NB171/1/6	
1 ⁽ⁿ⁾	Nhiệt độ-HT	SMEWW 2550B:2023	°C	31	32	32	-
2 ^(*) (n)	pH-HT	TCVN 6492:2011	-	8,1	8,0	8,0	6,5- 8,5(**)
3 ^(*) (n)	DO-HT	TCVN 7325:2016	mg/l	6,9	7,0	7,0	≥ 5 (**)
4	COD (KMnO ₄)	TCVN 6186:1996	mg/l	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	-
5 ⁽ⁿ⁾	Chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	KPH (LOD=1,2)	KPH (LOD=1,2)	KPH (LOD=1,2)	50(**)
6 ⁽ⁿ⁾	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	<0,12 (LOQ=0,12)	<0,12 (LOQ=0,12)	KPH (LOD=0,03)	0,1
7 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ B&D (2017)	mg/l	0,94	0,92	1,3	1,5
8 ⁽ⁿ⁾	Sulfua (S ²⁻)	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	mg/l	KPH (LOD=0,026)	KPH (LOD=0,026)	KPH (LOD=0,026)	-
9 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Xyanua (CN ⁻)	SMEWW 4500-CN-C&E (2017)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,01
10 ^(*) (n)	Asen (As)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,02
11 ^(*) (n)	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,05
12 ⁽ⁿ⁾	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,00015)	KPH (LOD=0,00015)	KPH (LOD=0,00015)	0,0005
13 ^(*) (n)	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	0,005
14 ⁽ⁿ⁾	Cr (VI)	TCVN 7939:2008	mg/l	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0,02
15 ⁽ⁿ⁾	Cr (III)	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,004)	KPH (LOD=0,004)	KPH (LOD=0,004)	-

-Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time

-Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

-Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result.

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results			QCVN 10:2023/BTNMT Bảng 1 và 2
				NB171/1/4	NB171/1/5	NB171/1/6	
16 ⁽ⁿ⁾	Đồng (Cu)	SMEWW 3111C:2023	mg/l	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,02
17 ⁽ⁿ⁾	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111C:2023	mg/l	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,1
18 ⁽ⁿ⁾	Mangan (Mn)	SMEWW 3111C:2023	mg/l	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	0,5
19 ⁽ⁿ⁾	Sắt (Fe)	SMEWW 3500-Fe.B:2023	mg/l	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,5
20 ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	Phenol	SMEWW 5530B&C (2017)	mg/l	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,03
21 ⁽ⁿ⁾	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520C&F:2023	mg/l	KPH (LOD=1,0)	KPH (LOD=1,0)	KPH (LOD=1,0)	5,0
22	Váng dầu mỡ	Quan sát trực tiếp	-	không có	không có	không có	-
23 ⁽ⁿ²⁹²⁾	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011	Bq/l	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	-
24 ⁽ⁿ²⁹²⁾	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011	Bq/l	KPH (LOD=0,3)	KPH (LOD=0,3)	KPH (LOD=0,3)	-
25 ⁽ⁿ⁾	Coliform	SMEWW 9221B&C:2023	MPN/100ml	21	61	15	1000(**)

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (*): Các thông số được công nhận VILAS273 / Sign (*): The parameters has been accredited VILAS273

Dấu (**): so sánh theo bảng 1 QCVN 10:2023/BTNMT / Sign (**): Comparison Table 1 QCVN 10:2023/BTNMT

Dấu (n): Thông số được công nhận VIMCERTS / Sign (n): Recognized by VIMCERTS certificate

Dấu (n292): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS292/ Sign (n292): performed by subcontractors VIMCERTS292

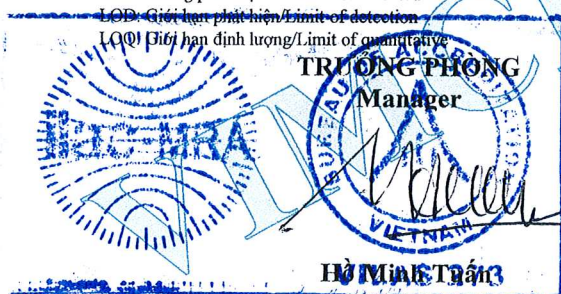
Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location

KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantitative



KT. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP. Director/Vice Director

